TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện.

2. Ông Hồ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 512/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, quyết định thay đổi Thư ký số 24/2023/QĐ-TĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1979; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị T và anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14 tháng 11 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau

vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC (nay là xã NC), huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên rượu chè say xỉn, gây gỗ, chửi bới và đánh đập chị. Từ đó giữa vợ chồng luôn bất hòa lẫn nhau, anh Đ không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T khai: Quá trình chung sống anh Đ có tính ghen tuông vô cớ, luôn nghi ngờ chị không chung thủy, từ đó xúc phạm, chửi bới và đánh đập chị, có lần anh Đ đánh chị gây thương tích trên đầu. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 12 năm 2022, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Về quá trình kết hôn theo như chị Hồ Thị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, chị T hay đi chơi về khuya, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị T vẫn không thay đổi. Có lần uống rượu say thì anh có đề cập vấn đề này với chị T, nhưng chị T cải lại, vì vậy do không kiềm chế được bản thân nên anh có tát vào mặt chị T. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng mà chị T trình bày là không đúng. Anh thỉnh thoảng có uống rượu nhưng không hề bỏ bê gia đình, anh có đánh chị T nhưng do bực tức nên mới làm vậy. Anh vẫn còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, anh Đ khai: Do chị T hay đi chơi về khuya nên anh mới ghen tuông, có lần anh bắt gặp chị T đi uống cà phê người đàn ông khác, thấy vậy người này bỏ chạy, anh có hỏi chị T người đó là ai thì chị T nói là bạn. Anh vẫn còn thương yêu chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Năm 1997, chị T và anh Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC (nay là xã NC). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ cho rằng vẫn còn yêu thương chị T nên không đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/97, quyển số 01, cấp năm 1997 của Ủy ban nhân dân xã ĐC (nay là xã NC), huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật

công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống; chị T cho rằng anh Đ thường hay uống rượu say xỉn, có hành vi chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị, anh Đ hay ghen tuông vô cớ. Còn anh Đ nghi ngờ chị T không chung thủy. Xét thấy, việc anh Đ uống rượu say sỉn rồi đánh chị T là thực tế. Trong cuộc sống anh chị không biết quan tâm, chăm sóc nhau; không nhường nhịn nhau khi phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ nghi ngờ chị T không chung thủy, từ đó giữa vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Thấy rằng, mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T là phù hợp thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.

1/ Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

3/ Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012622 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/02/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh,
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
-UBND xã NC,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận